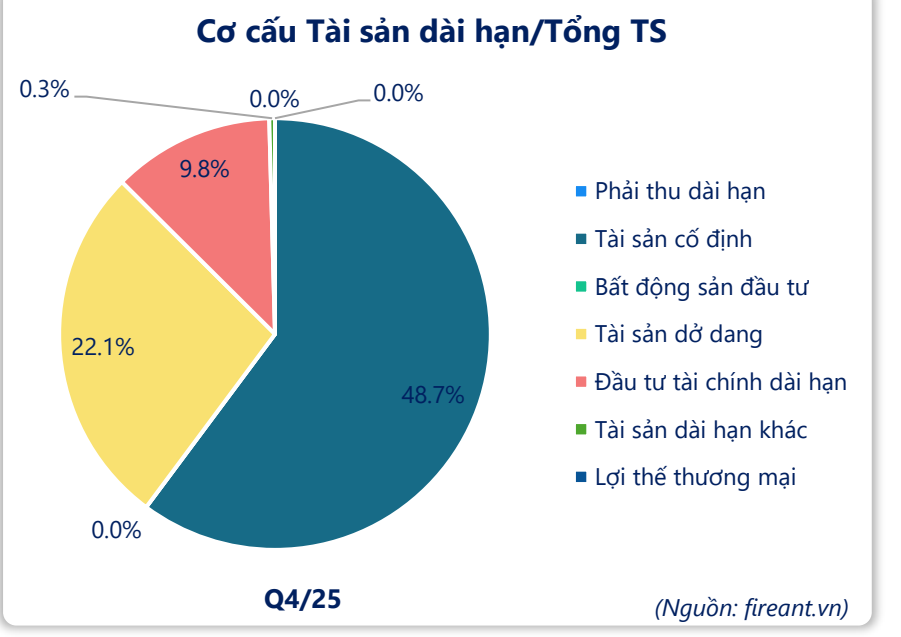
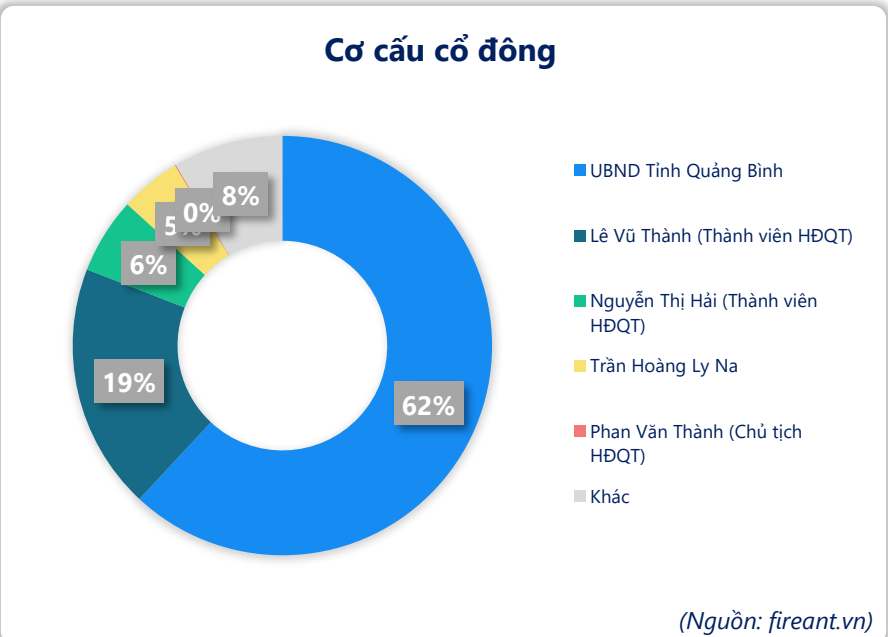
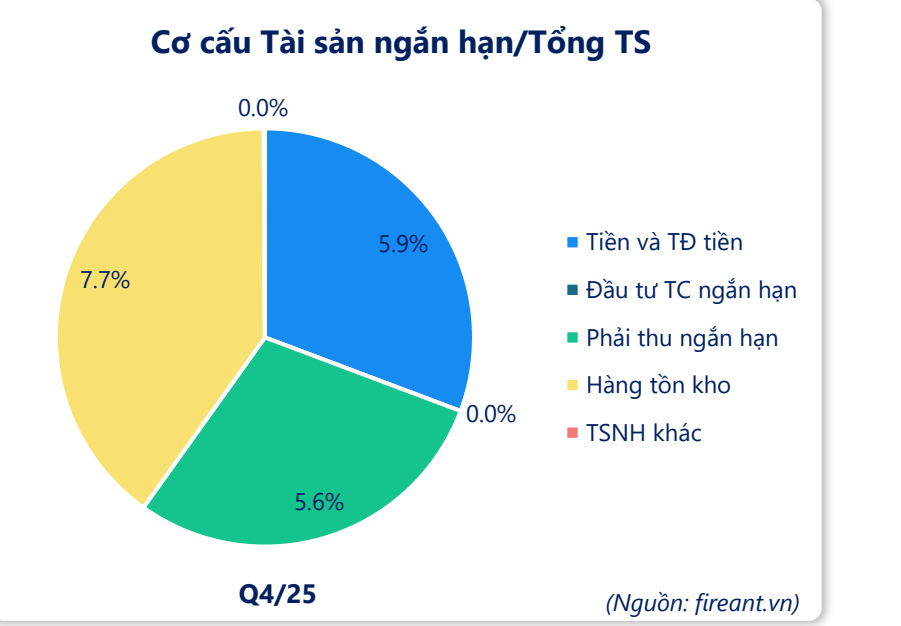
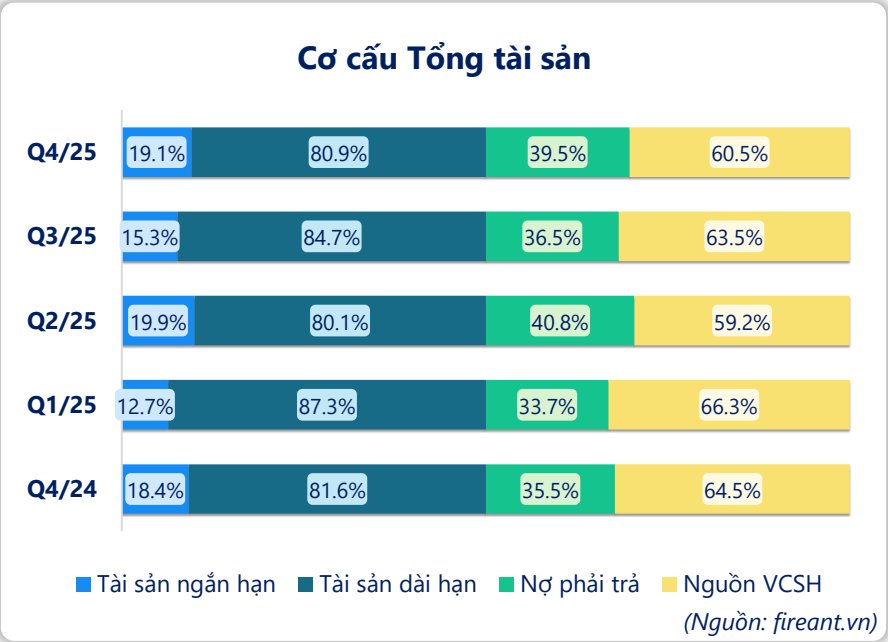
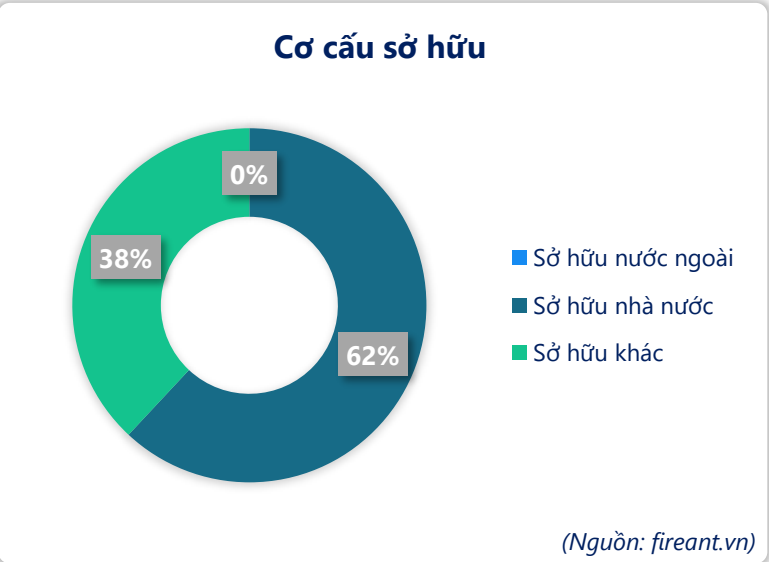
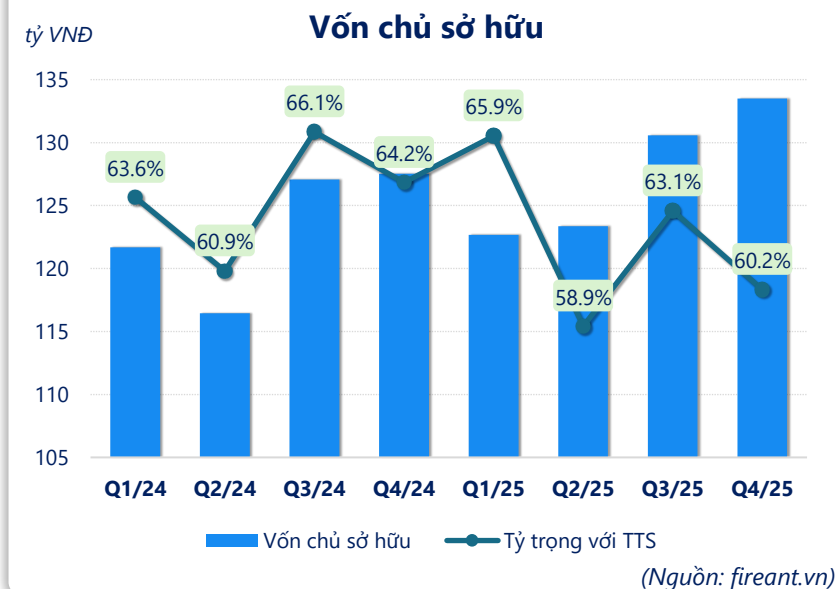
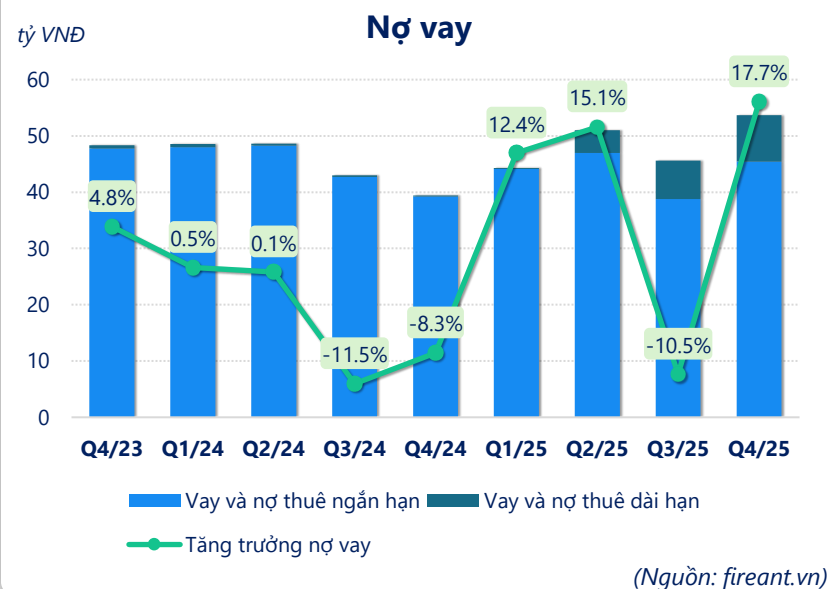
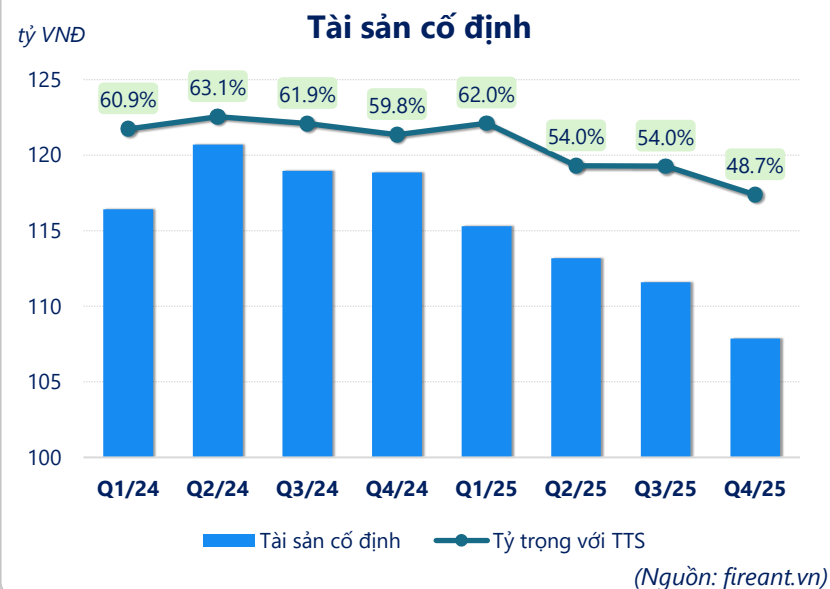
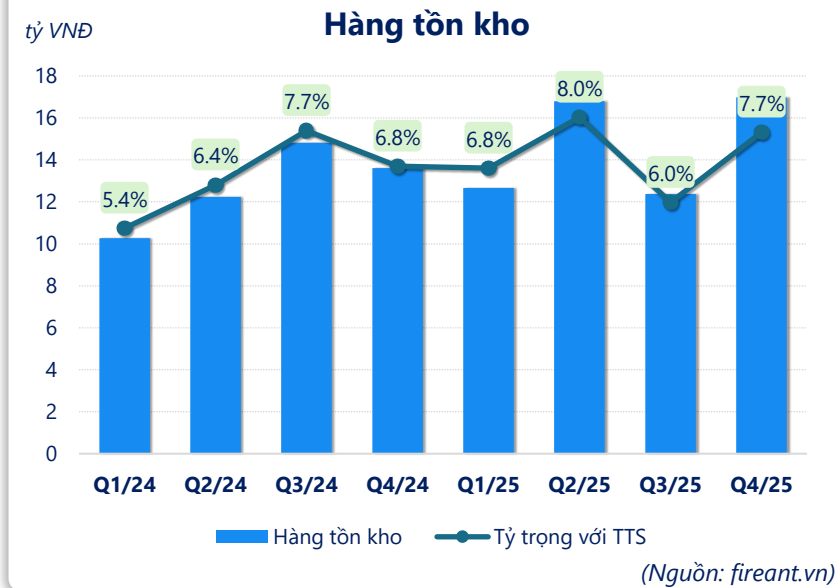
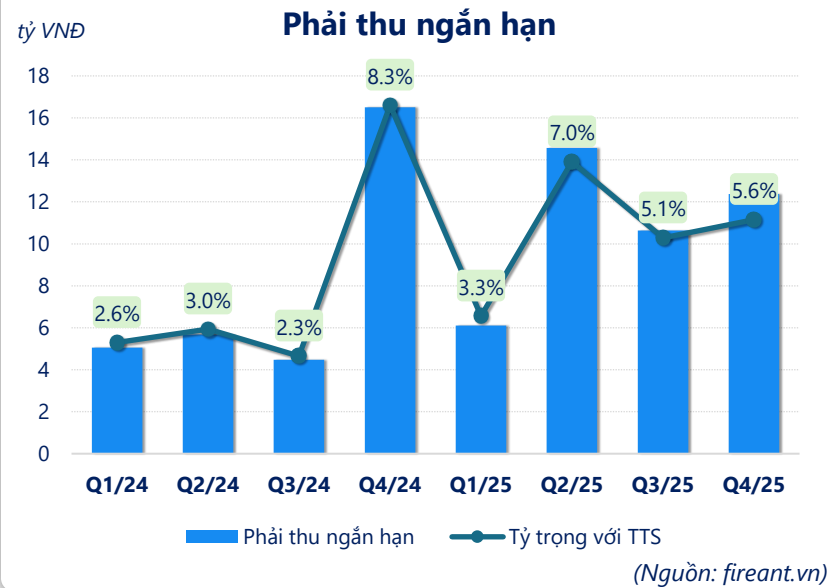
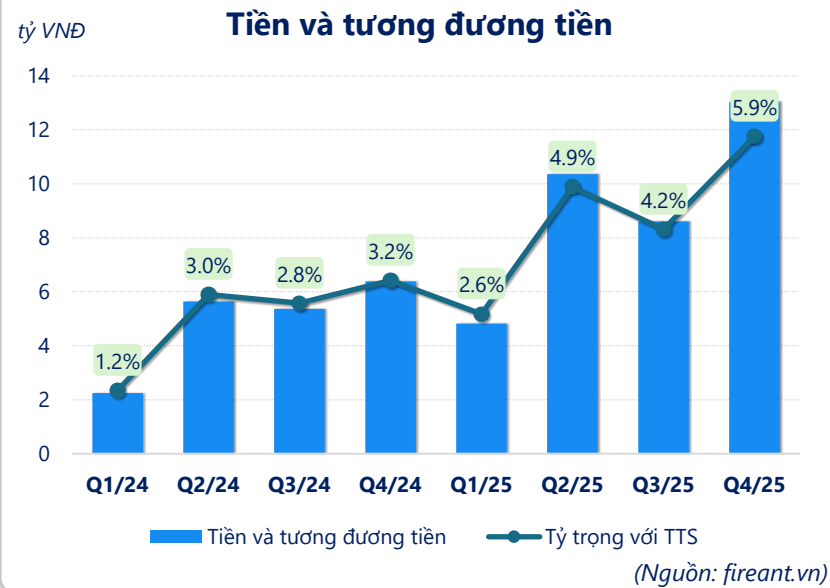
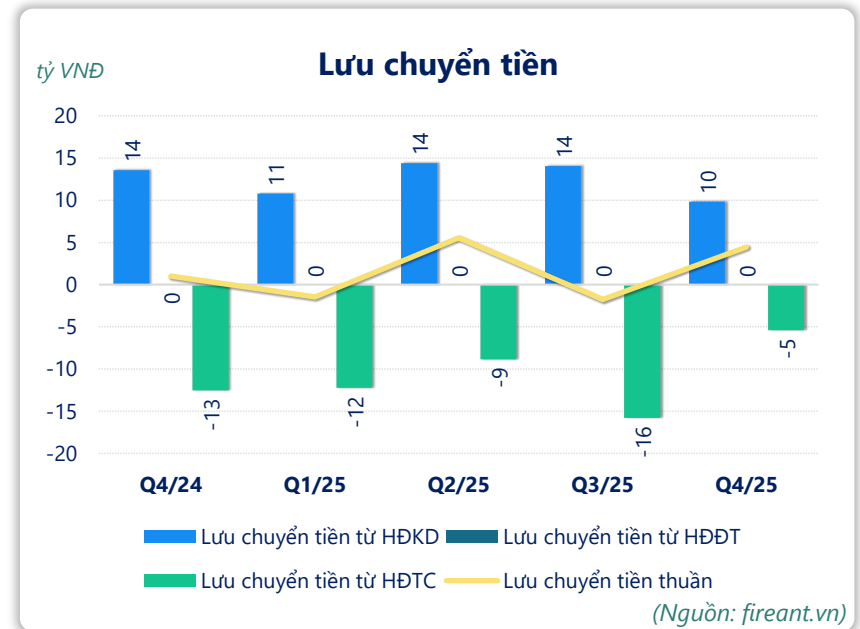
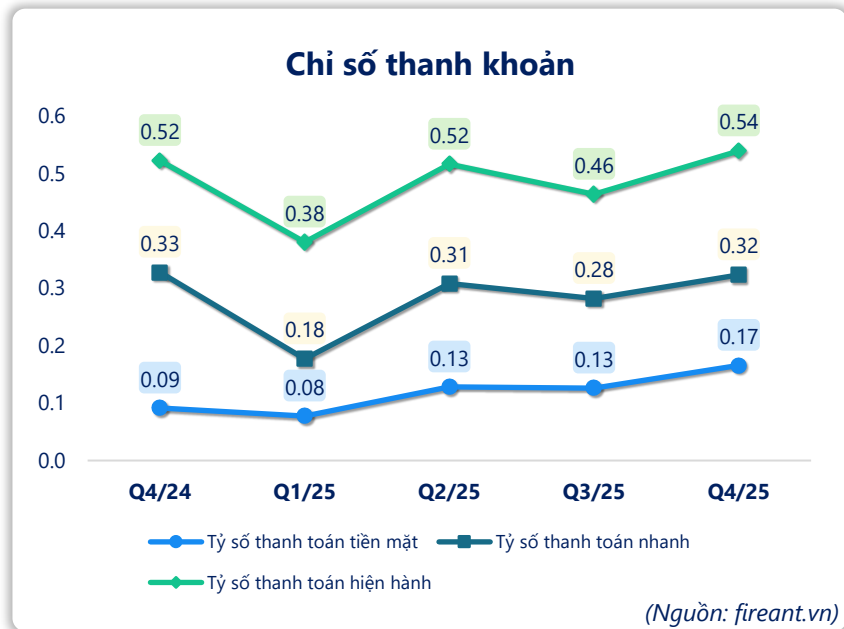
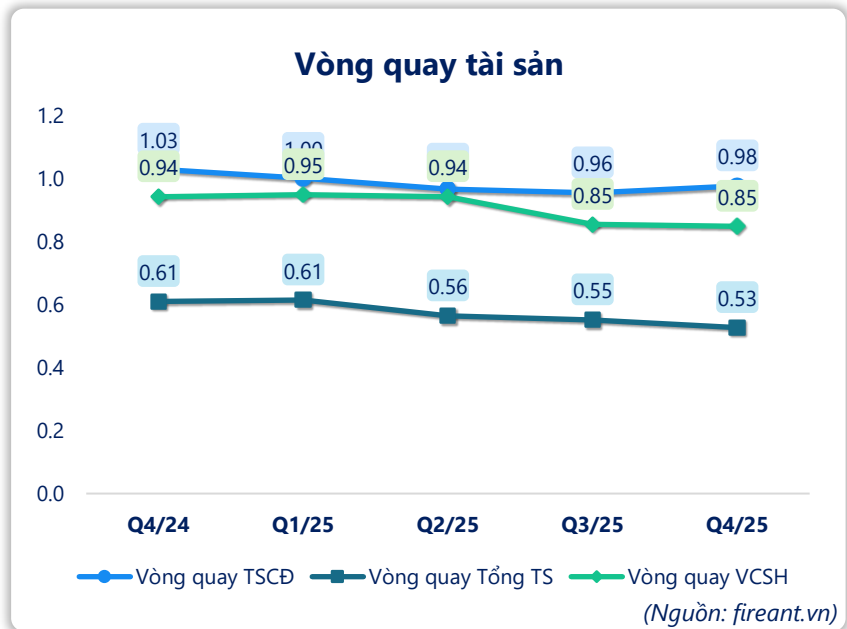
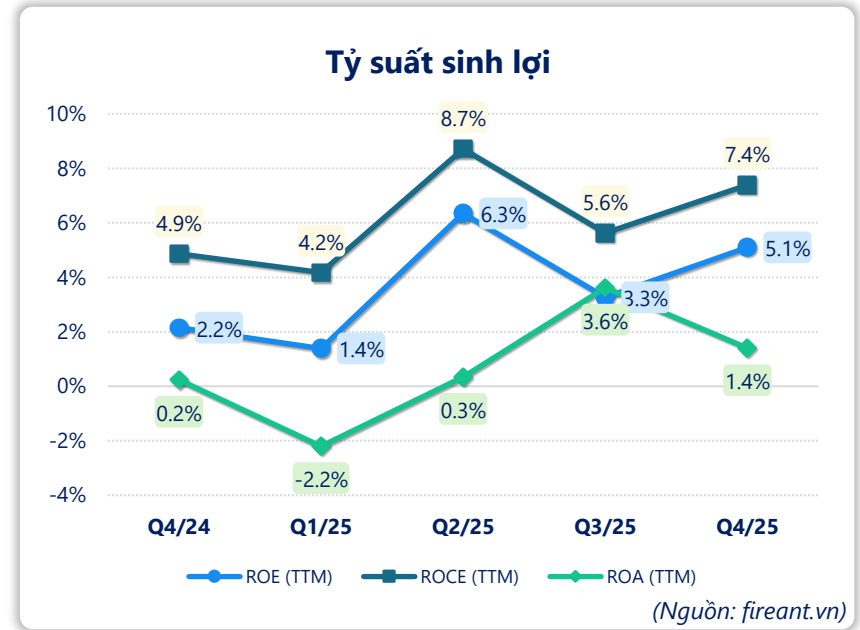
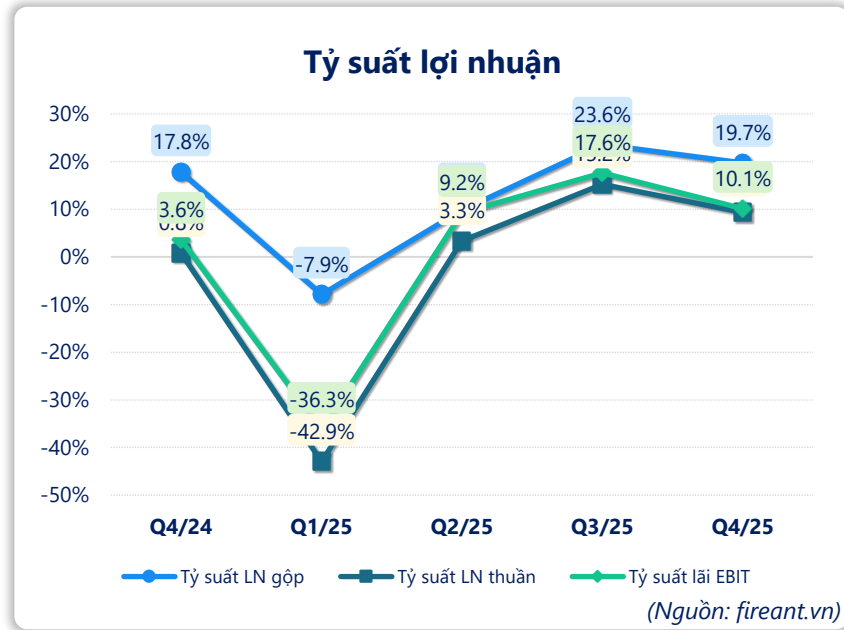
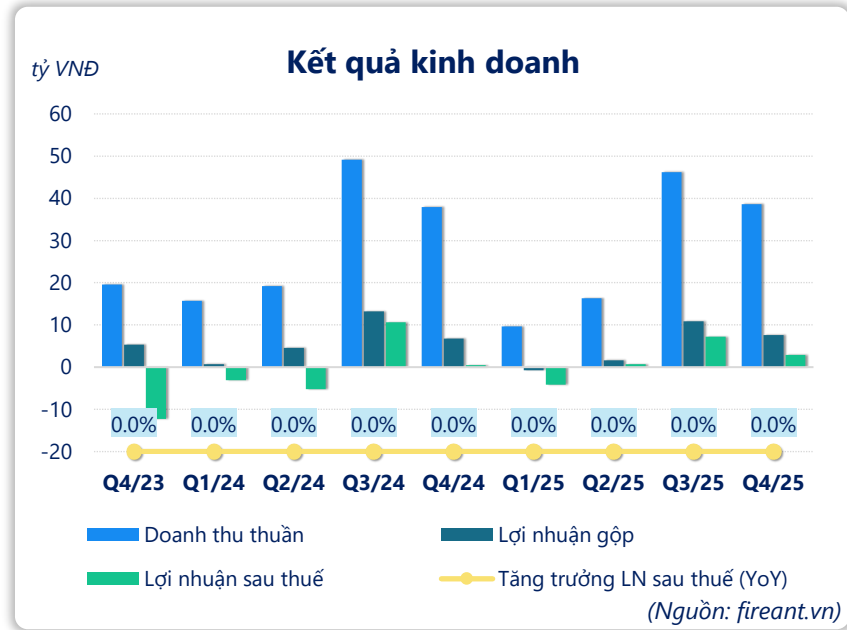


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,800
SL cổ phiếu LH		17,081,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)		230
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		173
P/E		25.9
EPS		390

	YTD	1T	3T	6T
VTQ	-69.0%	-24.6%	-8.2%	13.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	222	198	12.0%
Tài sản ngắn hạn	42.4	35.4	19.9%
Tiền và tương đương tiền	13.0	6.29	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	12.4	15.4	-19.8%
Hàng tồn kho	17.0	13.6	24.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.05	-21.2%
Tài sản dài hạn	179	163	10.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	108	117	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	48.9	25.3	93.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	21.7	19.0	14.4%
Tài sản dài hạn khác	0.76	0.81	-5.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.5	70.4	24.2%
Nợ ngắn hạn	78.7	69.9	12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.4	39.2	15.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.0	14.6	-11.2%
Nợ dài hạn	8.76	0.49	1702%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.26	0.19	4161%
Nguồn vốn chủ sở hữu	134	128	5.2%
Vốn chủ sở hữu	133	127	5.2%
Vốn điều lệ	171	171	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.68	0.68	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	37.9	9.67	16.3	46.2	38.6
Giá vốn hàng bán	31.2	10.4	14.7	35.3	31.0
Lợi nhuận gộp	6.74	-0.76	1.60	10.9	7.62
Doanh thu HĐTC	0.04	0.00	0.03	0.02	0.02
Chi phí TC	3.02	0.65	-1.45	0.93	0.70
Chi phí lãi vay	0.89	0.65	0.83	0.93	0.97
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.13	0.01	0	0.07	0.17
Chi phí QLDN	3.34	2.74	2.54	2.88	3.19
LN thuần từ HĐKD	0.30	-4.15	0.54	7.03	3.58
Lợi nhuận khác	0.18	0.00	0.13	0.18	-0.66
LN trước thuế	0.47	-4.16	0.67	7.21	2.93
Lợi nhuận sau thuế	0.47	-4.16	0.67	7.21	2.93
LNST của CĐ cty mẹ	0.47	-4.16	0.67	7.21	2.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.6	10.8	14.4	14.0	9.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.5	-12.2	-8.84	-15.8	-5.38
Tiền đầu kỳ	5.36	6.29	4.82	10.4	8.60
Lưu chuyển tiền thuần	1.02	-1.47	5.54	-1.76	4.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.38	4.82	10.4	8.60	13.0

(Nguồn: fireant.vn)